

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
☯\*☯

Số: ...../TT-HĐQT

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021*

**TỜ TRÌNH**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

**I. MỤC ĐÍCH**

Nhằm tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư 121/2020/TT-BTC và đảm bảo các quy định của Điều lệ phù hợp với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam.

**II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

- Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam tăng 1 Điều so với Điều lệ hiện hành.



- Trong đó, có 23 nội dung chính được sửa đổi bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đồng thời phù hợp với tình hình và nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Các điều khoản còn lại cập nhật, hiệu đính cho phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan, không làm thay đổi nội dung chính và tinh thần chung của Điều lệ.


STT	Quy định được sửa đổi bổ sung	Nội dung sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p>	<p><b>1. Bộ các nội dung sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Ngày thành lập Công ty” là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</li> <li>- “Chứng khoán” là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, bao gồm các loại sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;</li> <li>+ Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán.</li> </ul> </li> <li>- “Cổ phiếu” là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần trong Công ty.</li> <li>- “Trái phiếu” là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.</li> <li>- “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.</li> </ul> <p><b>2. Chính sửa các thuật ngữ</b> “Luật Chứng khoán” và “Luật Doanh nghiệp” như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</li> <li>- “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</li> </ul>	<p>Bổ các điều khoản thừa</p>
2	<p><b>Điều 11. Cổ phần</b></p>	<p><b>Chính sửa khoản 11.4 như sau:</b></p> <p>“Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi và phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.”</p>	<p>Chính sửa để phù hợp với Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

3	Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	<p><b>Bổ khoản 14.3</b> “Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCKNN chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.”</p>	Thông tư 121/2020/TT-BTC đã bỏ nội dung này
4	Điều 15. Mua lại cổ phần	<p><b>Chỉnh sửa, bổ sung khoản 15.2.2 như sau:</b>                  “Công ty có thể mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần phổ thông đã phát hành. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc mua lại cổ phần với tỷ lệ, cách thức, thủ tục do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan.”</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020
5	Điều 22. Quyền của cổ đông	<p><b>Chỉnh sửa khoản 22.9 và 22.10 như sau:</b>                  “22.9 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10) phần trăm số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn hiện-tục-ít-nhất-sáu-(06)-tháng có các quyền...”                  “22.10 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông hiện-tục-trong-thời-hạn-sáu-(06)-tháng có quyền...”</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 5 Điều 115 và Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2020
6	Điều 26. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Chỉnh sửa khoản 26.2.2 như sau:</b>                  “Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật”</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
7	Điều 27. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Chỉnh sửa khoản 27.1 như sau:</b>                  “Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải lập không quá năm (5) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.”</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020
8	Điều 28. Mời họp đại hội đồng cổ đông	<p><b>Chỉnh sửa khoản 28.1 như sau:</b>                  “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp giấy đăng ký kinh doanh, tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
9	Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Bổ khoản 29.1.13 “Thông qua việc Tổng giám đốc đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị”</p>	Luật Doanh nghiệp 2020 không quy định đây là nội dung bắt buộc phải thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông.

10	<p><b>Điều 30. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Chỉnh sửa khoản 30.5 và bổ sung khoản 30.6 như sau:</b></p> <p>“30.5 Việc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của cổ đông vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>30.5.1 Người ủy quyền, người được ủy quyền là cá nhân chết, người ủy quyền, người được ủy quyền là tổ chức chấm dứt tồn tại;</p> <p>30.5.2 Người ủy quyền hủy bỏ việc ủy quyền và/hoặc thay thế người được ủy quyền;</p> <p>30.5.3 Người ủy quyền đã giới hạn hoặc hủy bỏ một phần phạm vi ủy quyền của người được ủy quyền.;</p> <p>30.6 <i>Việc tham dự và biểu quyết của người được ủy quyền theo quy định tại khoản 30.5 Điều này mất hiệu lực trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện đó trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</i>”</p>	<p>Chỉnh sửa đề phù hợp với Điều lệ mẫu của CTĐC theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
11	<p><b>Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Chỉnh sửa khoản 32.2 như sau:</b></p> <p>“Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>Chỉnh sửa đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
12	<p><b>Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Chỉnh sửa Điều 33.2.1 như sau:</b></p> <p>“Phiếu lấy ý kiến phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu: (a) tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (b) Mục đích lấy ý kiến, (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định; (e) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.”</p>	<p>Chỉnh sửa đề phù hợp với khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
13	<p><b>Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Chỉnh sửa khoản 34.1.1 như sau:</b></p> <p>“Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 32.7 của Điều lệ này.”</p>	<p>Chỉnh sửa đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
14	<p><b>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>1. Chỉnh sửa khoản 36.2.8 như sau:</b></p> <p>“Thông qua hợp đồng mua, bán, vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25.2.10 và Điều 60.2 của Điều lệ này.”</p> <p><b>2. Chỉnh sửa khoản 36.5 như sau:</b></p> <p>“Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này, gây thiệt hại cho</p>	<p>1. Chỉnh sửa đề phù hợp với điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>2. Chỉnh sửa đề phù hợp với khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phân đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. <i>Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</i></p> <p><b>3. Bổ khoản 36.6:</b></p> <p>“Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của công ty trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện các nghị quyết nói trên.”</p>	<p>3. Bổ để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
15	<p><b>Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty</b></p>	<p><b>1. Chính sửa khoản 47.1 như sau:</b></p> <p>“Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; <i>không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật</i>”</p> <p><b>2. Chính sửa khoản 47.4 như sau:</b></p> <p>“<i>Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất</i>”</p> <p><b>3. Bổ khoản 47.6:</b> “Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng”</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán 2019.</p>
16	<p><b>Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>Bổ khoản 51.7:</b> “Trường hợp công ty đã niêm yết cổ phiếu, kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.”</p>	<p>Luật và các văn bản hướng dẫn không quy định nội dung này.</p>
17	<p><b>Điều 52. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Chính sửa khoản 52.1.3 như sau:</b></p> <p>“Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <i>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông</i>”</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
18	<p><b>Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Bổ khoản 53.3:</b> “Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.”</p>	<p>Đã quy định ở Điều 53.2 của Điều lệ</p>

19	<p><b>Điều 60. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b></p>	<p><b>Chỉnh sửa khoản 60.3 như sau:</b></p> <p>“Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</p> <p>60.3.1 <i>Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại khoản 60.1 Điều này;</i></p> <p>60.3.2 <i>Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.”</i></p>	<p>Chỉnh sửa đề phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
20		<p><b>Bổ sung Điều 61 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 61. Công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p>61.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>61.1.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>61.1.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>61.2 Việc kê khai quy định tại khoản 61.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>61.3 Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 61.1 và khoản 61.2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>61.3.1 Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p> <p>61.3.2 Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;</p> <p>61.3.3 Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;</p> <p>61.3.4 Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại khoản 61.3.3 Điều này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>61.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.”</p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

21	Điều 65. Kiểm toán	<p><b>Chỉnh sửa Điều 65.3 như sau:</b></p> <p>“66.3 Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <i>sáu mươi (60)</i> ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.”</p>	Chỉnh sửa đề phù hợp với tình hình thực tế.
22	Điều 72. Ban thanh lý	<p><b>Chỉnh sửa Điều 72.3.4 như sau:</b></p> <p>“73.3.4 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.”</p>	Chỉnh sửa đề phù hợp với Luật Chứng khoán 2019 và Luật doanh nghiệp 2020.
23	Điều 75. Hiệu lực thi hành	<p><b>Chỉnh sửa khoản 75.1 như sau:</b></p> <p>“76.1 Bản điều lệ này (Sửa đổi lần thứ 13) gồm 10 Chương 76 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam nhất trí thông qua theo Nghị quyết số ...../NQ-ĐHĐCĐ ngày ..... tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.”</p>	

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PARK WON SANG**

